

Số: 1582/QĐ-VSDTTU

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

VIỆN TRƯỞNG VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 93/TTg ngày 20/3/1979 của Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo sau đại học cho Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 4344/QĐ-BYT ngày 10/11/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học Đào tạo Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương ngày 30/10/2017;

Theo đề nghị của Phụ trách khoa Đào tạo và Quản lý khoa học - Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, ban hành và thay thế Quyết định số 269/QĐ-VSDTTU ngày 18/3/2016 của Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

Điều 3. Trưởng Khoa Đào tạo và Quản lý khoa học, Trưởng các Khoa, Phòng có liên quan, các đơn vị, cá nhân tham gia đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT.



Dặng Đức Anh

MỤC LỤC

(8 chương và 48 điều)

	Trang
Chương I: Những quy định chung	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Mục tiêu đào tạo	1
Điều 3. Chương trình đào tạo	1
Điều 4. Cơ sở đào tạo	3
Chương II: Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ	4
Điều 5. Phương thức và thời gian tuyển sinh	4
Điều 6. Điều kiện dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ	4
Điều 7. Đăng ký dự tuyển	6
Điều 8. Thông báo tuyển sinh	7
Điều 9. Hội đồng tuyển sinh	8
Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh	9
Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của Phó chủ tịch Hội đồng tuyển sinh	9
Điều 12. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh	9
Điều 13. Tiểu ban chuyên môn	10
Điều 14. Tổ chức, quyền hạn và trách nhiệm của Ban phúc khảo	11
Điều 15. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh	11
Điều 16. Triệu tập thí sinh trúng tuyển	13
Chương III: Tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo	13
Điều 17. Tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo	13
Điều 18. Các học phần bổ sung	14
Điều 19. Tiểu luận tổng quan và Đề cương nghiên cứu chi tiết	14
Điều 20. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ	15
Điều 21. Luận án tiến sĩ	16

Điều 22. Tổ chức giảng dạy, đánh giá tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết, các học phần, các chuyên đề tiến sĩ	16
Điều 23. Thực hiện đề tài luận án	18
Điều 24. Những thay đổi trong quá trình đào tạo	18
Chương IV: Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của các cá nhân và đơn vị liên quan	20
Điều 25. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ	20
Điều 26. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh	20
Điều 27. Nghiên cứu sinh	22
Điều 28. Phòng Đào tạo sau đại học	22
Điều 29. Đơn vị chuyên môn	23
Điều 30. Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	23
Chương V: Luận án, đánh giá và bảo vệ luận án	24
Điều 31. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ	24
Điều 32. Đánh giá luận án cấp cơ sở	25
Điều 33. Phản biện độc lập luận án	28
Điều 34. Điều kiện và hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện	30
Điều 35. Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện	31
Điều 36. Đánh giá luận án ở cấp Viện	32
Điều 37. Tổ chức bảo vệ luận án cấp Viện	34
Điều 38. Đánh giá lại luận án ở cấp Viện	36
Điều 39. Đánh giá luận án theo chế độ mật	36
Chương VI: Thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ	37
Điều 40. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án	37
Điều 41. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án	37
Điều 42. Quy trình thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án	37
Điều 43. Hội đồng thẩm định luận án	38
Điều 44. Xử lý kết quả thẩm định	39

Điều 45. Cấp bằng tiên sĩ	39
Chương VII: Khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm	41
Điều 46. Khiếu nại, tố cáo	41
Điều 47. Xử lý vi phạm	41
Chương VIII: Tổ chức thực hiện	42
Điều 48. Quy định chuyên tiếp	42
Phụ lục	

QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1572/QĐ-VSDTTU ngày 01/11/2017
của Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: tuyển sinh; tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của cá nhân và các đơn vị liên quan; luận án, đánh giá và bảo vệ luận án; thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm. Áp dụng cho các đơn vị, cá nhân tham gia hoạt động đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo những nhà khoa học có đạo đức, có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ và hướng dẫn nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu phát triển của hệ thống Y học dự phòng và Y tế công cộng.

Điều 3. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định hiện hành, đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học;

b) Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-

TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Khung trình độ quốc gia). Theo đó, trình độ đào tạo của người học có kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của chuyên ngành đào tạo; có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; có kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, độc đáo, sáng tạo tri thức mới; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia.

2. Kết cấu chương trình đào tạo bao gồm: các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ và luận án tiến sĩ.

3. Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

a) Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ: căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu, Viện trưởng xác định số học phần và khối lượng tín chỉ nghiên cứu sinh cần phải học bổ sung.

b) Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành (sau đây gọi chung là ngành) tương ứng, trừ các học phần ngoại ngữ và luận văn; có khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ để đảm bảo nghiên cứu sinh đạt yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu và chuẩn đầu ra Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia như sau: trình độ đào tạo của người học có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành đào tạo; có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp; kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong các lĩnh vực chuyên môn, có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi; có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp.

4. Các học phần ở trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao trình độ lý luận ngành hoặc chuyên ngành (sau đây gọi chung là ngành), phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu, trong đó:

a) Tiểu luận tổng quan yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

b) Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

c) Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 06 học phần đến 09 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng từ 14 tín chỉ đến 20 tín chỉ, trong đó tiểu luận tổng quan và 03 chuyên đề tiến sĩ do Viện trưởng quyết định là những học phần bắt buộc.

5. Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

Điều 4. Cơ sở đào tạo

1. Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo sau đại học.

2. Các đơn vị chuyên môn có đầy đủ các điều kiện sau sẽ được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ:

a) Có đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu của đơn vị chuyên môn đáp ứng yêu cầu đào tạo:

- Có ít nhất 01 giáo sư và 3 tiến sĩ khoa học, tiến sĩ hoặc 02 phó giáo sư và 3 tiến sĩ khoa học, tiến sĩ là giảng viên cơ hữu ngành đúng hoặc ngành gần. Các giảng viên cơ hữu đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định đối với người hướng dẫn nghiên cứu sinh tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành;

- Trong thời gian 5 năm, mỗi giảng viên có công bố ít nhất 3 công trình khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế thuộc lĩnh vực ngành đăng ký đào tạo; cơ sở đào tạo đã chủ trì thực hiện ít nhất 05 đề tài, nhiệm vụ khoa học từ cấp cơ sở trở lên thuộc lĩnh vực ngành đề nghị cho phép đào tạo, trong đó có ít nhất 01 đề tài, nhiệm vụ khoa học cấp bộ và tương đương trở lên;

- Có khả năng xây dựng chương trình và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện luận án tiến sĩ và tổ chức hội đồng đánh giá luận án.

b) Có cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị, thư viện, giáo trình, phòng thí nghiệm bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo; có chỗ làm việc dành riêng cho nghiên cứu sinh.

c) Có kinh nghiệm trong công tác nghiên cứu khoa học; đã thực hiện những nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp nhà nước, cấp Bộ; có kinh nghiệm trong đào tạo, bồi dưỡng những người làm công tác nghiên cứu khoa học; thường xuyên tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học chuyên ngành; thường xuyên có những trao đổi hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, đào tạo.

Chương II

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Điều 5. Phương thức và thời gian tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh: thi tuyển, xét tuyển hồ sơ, hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

2. Số lần tuyển sinh trong năm: 01 đến 02 lần.

3. Căn cứ vào quy định của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT, ngày 04/4/2017) và các quy định liên quan, Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương xây dựng đề án tuyển sinh, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về phương thức tuyển sinh, thời gian tổ chức tuyển sinh, các điều kiện đảm bảo chất lượng và những thông tin cần thiết khác.

Điều 6. Điều kiện dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ

Mọi công dân Việt Nam, Việt kiều và người nước ngoài không phân biệt dân tộc, giới tính, tuổi tác, nếu không trong thời gian thi hành án, thỏa mãn đầy đủ các điều kiện quy định dưới đây đều có thể được dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ tại Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương:

1. Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ.

2. Có đủ sức khỏe để học tập.

3. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

4. Có đề cương nghiên cứu.

5. Có thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của thí sinh từ ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với thí sinh và am hiểu lĩnh vực mà thí sinh dự định nghiên cứu.

6. Trình độ ngoại ngữ:

6.1. Thí sinh là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ, tiến sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Thí sinh thuộc một trong các trường hợp sau phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh):

- Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập không phải là tiếng Anh;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển theo quy định tại Phụ lục 2 của Quy định này.

6.2. Thí sinh là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

7. Được cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm) hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với

người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

8. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Viện (đóng học phí hàng năm theo quy định).

9. Đối tượng và chính sách ưu tiên

9.1. Đối tượng ưu tiên: Thí sinh được ưu tiên trong tuyển sinh thuộc những đối tượng sau:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Mục này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

9.2. Chính sách ưu tiên:

Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên được cộng thêm mười điểm (thang điểm 100) cho tổng số điểm. Thí sinh thuộc nhiều đối tượng ưu tiên cũng chỉ được hưởng một lần ưu tiên.

10. Các trường hợp đặc biệt sẽ do Viện trưởng xem xét, quyết định.

Điều 7. Đăng ký dự tuyển

1. Thí sinh căn cứ vào điều kiện văn bằng quy định ở trên, nhu cầu công tác và khả năng đào tạo của Viện để đăng ký dự tuyển.

2. Trong mỗi kì xét tuyển, thí sinh chỉ được đăng kí dự tuyển vào một chuyên ngành tại một cơ sở đào tạo.

3. Hồ sơ đăng kí dự tuyển: 01 bộ gồm:

a) Bìa hồ sơ dán ngoài phong bì.

b) Phiếu đăng ký dự xét tuyển.

c) Bản sao có công chứng các bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học; bằng thạc sĩ, bằng điểm thạc sĩ; các minh chứng về trình độ ngoại ngữ. Đối với những thí sinh có văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

d) Lý lịch khoa học.

đ) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu thí sinh là công chức, viên chức) hoặc thư giới thiệu của trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

e) Văn bản chứng nhận thâm niên công tác: Giấy chứng nhận của cơ quan quản lý hoặc bản sao các Quyết định tuyển dụng/bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động.

g) Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa.

h) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học: Bản chụp các bài báo khoa học đã công bố (gồm: trang bìa tạp chí, mục lục và toàn văn bài báo) và các đề tài nghiên cứu khoa học (nếu có, gồm: Quyết định phê duyệt/giao đề tài, Quyết định nghiệm thu đề tài, biên bản nghiệm thu đề tài, báo cáo nghiệm thu).

i) Đề cương nghiên cứu.

k) Thư giới thiệu của các nhà khoa học.

l) Minh chứng đối tượng ưu tiên và các giấy tờ hồ sơ liên quan khác (nếu có).

m) 01 ảnh mới chụp cỡ 4x6cm để trong phong bì ghi rõ tên và địa chỉ người nhận.

4. Thí sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ hồ sơ, lệ phí đăng ký dự tuyển theo quy định, đúng thời hạn cho Viện. Các thay đổi hoặc thiếu sót phải được bổ sung đầy đủ chậm nhất 7 ngày làm việc trước ngày xét tuyển.

5. Viện chỉ đưa vào danh sách dự tuyển những thí sinh có đủ hồ sơ và điều kiện dự tuyển. Chậm nhất 5 ngày làm việc trước ngày xét tuyển, Viện phải công bố danh sách thí sinh dự tuyển.

Điều 8. Thông báo tuyển sinh

1. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo và phương tiện thông tin đại chúng khác trước khi tổ chức xét tuyển, thi tuyển ít nhất 03 tháng, trong đó nêu rõ:

- a) Điều kiện dự tuyển;
- b) Danh mục ngành phù hợp được xét tuyển đối với từng ngành đào tạo trình độ tiến sĩ; danh sách người hướng dẫn đáp ứng quy định tại Điều 26 của Quy định này;
- c) Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng ngành đào tạo;
- d) Hồ sơ dự tuyển theo quy định tại mục 3 Điều 7 của Quy định này và thời gian nhận hồ sơ, lệ phí dự tuyển;
- đ) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học;
- e) Học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập (nếu có);
- g) Các yêu cầu và thông tin cần thiết khác.

2. Nội dung thông báo tuyển sinh do Viện trưởng chịu trách nhiệm, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và phù hợp với đề án tuyển sinh của cơ sở đào tạo.

Điều 9. Hội đồng tuyển sinh

1. Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm:

- a) Chủ tịch: Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng được Viện trưởng ủy quyền;
- b) Phó Chủ tịch: Phó Viện trưởng được Viện trưởng chỉ định;
- c) Ủy viên thường trực: Trưởng đơn vị hoặc Phó trưởng đơn vị phụ trách công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện (gọi tắt là Phòng Đào tạo sau đại học);
- d) Các ủy viên: Trưởng đơn vị chuyên môn hoặc Trưởng tiểu ban chuyên môn của các chuyên ngành có thí sinh đăng ký dự tuyển.
- e) Ban thường trực gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên thường trực để chỉ đạo công tác tuyển sinh và giải quyết các vấn đề phát sinh.

3. Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh trong năm đó.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh:

- a) Tổ chức triển khai công tác tuyển sinh; Thông báo tuyển sinh;

b) Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh;

c) Kiểm tra, thông qua hồ sơ đủ điều kiện dự tuyển;

d) Xây dựng thang điểm xét tuyển;

e) Tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển;

f) Tổng kết công tác tuyển sinh;

g) Quyết định khen thưởng, kỷ luật;

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh

1. Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh.

2. Quyết định và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Viện; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được thí sinh có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu, theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của Viện.

3. Quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm Ban thư ký và các tiểu ban chuyên môn. Các ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

4. Phê duyệt thang điểm xét tuyển, kết quả xét tuyển, công nhận trúng tuyển.

5. Báo cáo với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Viện.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của Phó chủ tịch Hội đồng tuyển sinh

Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giúp Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thực hiện nhiệm vụ theo quy định và thay thế Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giải quyết công việc khi Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ủy quyền.

Điều 12. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh

1. Ban thư ký được thành lập để giúp việc cho Ban thường trực và Hội đồng tuyển sinh. Thành phần Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có:

a) Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm;

b) Các ủy viên.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh:

a) Gửi thông báo tuyển sinh;

b) Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển; thu lệ phí dự tuyển;

c) Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh báo cáo Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh và gửi tới các tiểu ban chuyên môn;

d) Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các tiểu ban chuyên môn, tổng hợp, báo cáo Hội đồng tuyển sinh xem xét;

đ) Thông báo kết quả xét tuyển cho tất cả các thí sinh dự tuyển;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giao.

3. Trách nhiệm của Trưởng Ban thư ký:

a) Lựa chọn những cán bộ có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, tác phong làm việc cẩn thận, có ý thức bảo mật, không có người thân (vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển để trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh xem xét ra quyết định thành lập Ban thư ký.

b) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban thư ký.

Điều 13. Tiểu ban chuyên môn

1. Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ra quyết định thành lập các tiểu ban chuyên môn của Hội đồng tuyển sinh.

2. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh bao gồm ít nhất 5 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh.

3. Thành phần tiểu ban chuyên môn gồm có:

a) Trưởng tiểu ban;

b) Thư ký;

c) Các thành viên tiểu ban.

4. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, đề cương nghiên cứu và việc trình bày, trao đổi xung quanh dự định nghiên cứu của thí sinh, xếp loại các thí sinh dự tuyển theo mức độ quy định, gửi kết quả về Ban thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

5. Quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng tiểu ban chuyên môn

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh về toàn bộ nội dung tuyển sinh có liên quan tới trách nhiệm của tiểu ban;

b) Lập kế hoạch đánh giá đề cương nghiên cứu, phân công ủy viên trong tiểu ban chuyên môn đọc và nhận xét bằng văn bản đối với hồ sơ của thí sinh;

c) Chủ trì phiên họp của tiểu ban đánh giá hồ sơ dự tuyển và chịu trách nhiệm về kết luận cũng như kiến nghị của phiên họp đánh giá xét tuyển của Tiểu ban;

d) Kiến nghị Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thay đổi hoặc đình chỉ việc đánh giá hồ sơ dự tuyển, đề cương đối với những ủy viên thiếu trách nhiệm, vi phạm Quy chế.

Điều 14. Tổ chức, quyền hạn và trách nhiệm của Ban phúc khảo

1. Thành phần của Ban phúc khảo gồm:

a) Trưởng ban là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh;

b) Các ủy viên: là cán bộ khoa học, giảng viên của các đơn vị chuyên môn trong hoặc ngoài Viện có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, do Trưởng ban phúc khảo chỉ định và chưa tham gia vào các tiểu ban chuyên môn. Danh sách các ủy viên và lịch làm việc của Ban phúc khảo phải được giữ bí mật.

2. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban phúc khảo: Khi thí sinh có đơn khiếu nại, Ban phúc khảo có nhiệm vụ:

a) Kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, xét tuyển của thí sinh. Không thực hiện việc phúc khảo đối với điểm đánh giá đề cương nghiên cứu.

c) Kết luận và trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

Điều 15. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh

1. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển:

a) Văn bằng, ngành học;

b) Kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ;

c) Trình độ ngoại ngữ;

d) Thành tích nghiên cứu khoa học;

đ) Kinh nghiệm hoạt động chuyên môn;

g) Chất lượng của đề cương nghiên cứu;

h) Ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong thư giới thiệu.

2. Trưởng tiểu ban chuyên môn cử ra hai ủy viên nhận xét bằng văn bản đối với đề cương nghiên cứu của mỗi thí sinh.

3. Trình tự tiến hành buổi đánh giá xét tuyển, bao gồm:

a) Thí sinh trình bày đề cương nghiên cứu trước Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh trong tổng thời gian không quá 15 phút.

b) Hai ủy viên nhận xét trình bày ý kiến đánh giá bằng văn bản đối với đề cương nghiên cứu theo các nội dung sau:

Hình thức trình bày; ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài, sự phù hợp của mục tiêu nghiên cứu với chuyên ngành; tính khoa học, độ tin cậy, phù hợp của các phương pháp nghiên cứu để đạt được các mục tiêu đề ra; sự phù hợp của kế hoạch phân tích số liệu (dự kiến kết quả); tính khả thi của đề tài nghiên cứu; những đóng góp mới của đề tài nghiên cứu;

c) Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi để đánh giá thí sinh về các mặt: kiến thức chuyên môn, tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về ý tưởng đối với các mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ, tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và những tư chất cần có của một nghiên cứu sinh. Trong trường hợp thí sinh có minh chứng ngoại ngữ khác tiếng Anh, tiểu ban chuyên môn thẩm định trình độ tiếng Anh của thí sinh thông qua phỏng vấn trực tiếp bằng tiếng Anh.

d) Tiểu ban chuyên môn phải có văn bản nhận xét, đánh giá phân loại thí sinh về các nội dung trên.

4. Hình thức đánh giá: Từng thành viên trong tiểu ban chuyên môn căn cứ thang điểm đã xây dựng đánh giá thí sinh. Tiểu ban tổng hợp kết quả đánh giá cho điểm của các thành viên chuyên kết quả về Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh. Kết quả xét tuyển là tổng số điểm của điểm báo cáo đề cương, điểm hồ sơ và điểm ưu tiên (nếu có).

5. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh quy định nguyên tắc xét tuyển và xác định danh sách thí sinh trúng tuyển căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được Viện trưởng quyết định cho từng chuyên ngành đào tạo và kết quả xếp loại các thí sinh, trình Viện trưởng phê duyệt.

6. Trong vòng hai tháng kể từ ngày bắt đầu kỳ tuyển sinh, Viện cần hoàn thành việc xét tuyển, chấm phúc khảo (nếu có), báo cáo tình hình tuyển sinh, kết quả tuyển sinh với Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc ra quyết định trúng tuyển chỉ thực hiện sau khi có kết quả phúc khảo. Hội đồng tuyển sinh chỉ nhận đơn phúc khảo về kết quả xét tuyển của thí sinh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố

điểm và phải có phản hồi chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn. Thí sinh nộp đơn xin phúc khảo phải nộp lệ phí theo quy định của Viện.

Điều 16. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được Viện trưởng phê duyệt, Phòng đào tạo sau đại học gửi giấy gọi nhập học đến các thí sinh được tuyển chọn. Sau khi thí sinh đăng ký nhập học chính thức, Viện trưởng ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, hướng nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu (nếu đã xác định), chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 17. Tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo

1. Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 37 Luật giáo dục đại học, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ, thực hiện quy chế và chương trình đào tạo đối với trình độ đào tạo, hình thức đào tạo.

2. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ

a) Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ (kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh) được thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 35 Luật giáo dục đại học và điểm d, khoản 4, Điều 2 Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và đảm bảo hoàn thành khối lượng học tập tối thiểu theo quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy định này. Theo đó, đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện trong bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học, từ hai đến ba năm học đối với người có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng.

Nghiên cứu sinh không có điều kiện theo học tập trung liên tục và được cơ sở giáo dục cho phép vẫn phải có đủ lượng thời gian học tập trung theo quy định tại khoản này để hoàn thành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, trong đó có ít nhất một năm theo học tập trung liên tục.

b) Trong trường hợp đặc biệt, nghiên cứu sinh được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập theo quy định tại khoản 5,6 Điều 24.

3. Việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy, nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

4. Việc tổ chức dạy và học các học phần ở trình độ tiến sĩ được triển khai tại Viện. Đối với các học phần cần bổ sung ở trình độ thạc sĩ, Viện gửi nghiên cứu sinh theo học ở các cơ sở đào tạo khác đã được phép đào tạo chương trình có học phần này theo thỏa thuận giữa các cơ sở đào tạo.

5. Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ, thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 18. Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung là các học phần giúp nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của nghiên cứu sinh.

1. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ hoặc bằng thạc sĩ chuyên ngành khác: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng, được thực hiện trong hai năm đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ, đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ.

2. Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng tốt nghiệp quá 10 năm thì trên cơ sở đối chiếu với chương trình đào tạo hiện tại, Viện có thể yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung các học phần cần thiết theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu.

3. Trường hợp cần thiết, nếu chương trình đào tạo trình độ đại học của nghiên cứu sinh còn thiếu những môn học, học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ tiến sĩ, Viện có thể yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung một số học phần ở trình độ đại học.

4. Viện trưởng quyết định các học phần nghiên cứu sinh cần học bổ sung; khối lượng tín chỉ cần bổ sung cho trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Kinh phí cho các học phần bổ sung do nghiên cứu sinh tự chi trả.

Điều 19. Tiểu luận tổng quan và Đề cương nghiên cứu chi tiết

1. Dưới sự giúp đỡ của tập thể hướng dẫn, nghiên cứu sinh hoàn thành tiểu luận tổng quan và xây dựng đề cương nghiên cứu chi tiết.

2. Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận

án cần tập trung nghiên cứu giải quyết với khối lượng từ 2 tín chỉ (**ương đương 60 giờ chuẩn**). Việc đánh giá và chấm điểm tiểu luận tổng quan được thực hiện giống như quy trình đánh giá và chấm chuyên đề quy định tại mục c khoản 8 Điều 22 của Quy định này.

3. Nội dung và phương pháp nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Tùy theo tính chất của đề tài nghiên cứu mà Viện, người hướng dẫn phải hướng cho nghiên cứu sinh tìm các nguồn lực và điều kiện để tiến hành các nghiên cứu cần thiết. Nghiên cứu sinh phải đảm bảo về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của mình, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

Điều 20. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ

1. Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu. Mỗi học phần tiến sĩ được thiết kế với khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 4 học phần với khối lượng 12 tín chỉ.

2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần lựa chọn, trong đó:

a) Các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành;

b) Các học phần lựa chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài nghiên cứu sinh hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết và trình bày bài báo khoa học, báo cáo khoa học;

c) Các học phần sẽ được quy định cụ thể cho từng chuyên ngành đào tạo.

3. Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng 6 tín chỉ (**ương ứng 180 giờ chuẩn**).

4. Viện trưởng ra quyết định và công bố công khai các nội dung: danh mục, mục tiêu, yêu cầu, nội dung các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ của từng chuyên ngành đào tạo; cách đánh giá, yêu cầu điểm tối thiểu cho mỗi học phần mà nghiên cứu sinh cần đạt; cách báo cáo, cách đánh giá các báo cáo chuyên đề của nghiên cứu sinh.

Điều 21. Luận án tiến sĩ

Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội.

Điều 22. Tổ chức giảng dạy, đánh giá tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết, các học phần, các chuyên đề tiến sĩ

1. Sau khi công nhận trúng tuyển, Viện tổ chức đánh giá tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết cho từng nghiên cứu sinh. Việc đánh giá tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết được thực hiện bằng cách nghiên cứu sinh trình bày trước Hội đồng tại đơn vị chuyên môn. Thành viên Hội đồng đánh giá tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết là những người có học vị từ tiến sĩ trở lên và có kinh nghiệm chuyên môn tốt. Hội đồng đánh giá tiểu luận tổng quan gồm 03 thành viên, hình thức đánh giá đối với tiểu luận tổng quan theo thang điểm 10. Hội đồng đánh giá đề cương nghiên cứu chi tiết gồm 05 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học. Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết. Trong thời gian tối đa là 12 tháng kể từ khi trúng tuyển, nghiên cứu sinh phải hoàn thành việc bảo vệ tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết. Hồ sơ đề nghị thông qua Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của Viện được nộp cùng với Hồ sơ xin bảo vệ tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết.

2. Đối với các nghiên cứu y sinh học với đối tượng nghiên cứu là con người, các đề tài nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng bao gồm nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng thuộc giai đoạn 1, 2, 3, 4, nghiên cứu thử nghiệm trang thiết bị mới, nghiên cứu thử nghiệm quy trình kỹ thuật mới... phải tuân thủ theo các hướng dẫn về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học, thực hành lâm sàng tốt (GCP) và phải được xem xét, thẩm định, thông qua Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học theo đúng quy định hiện hành.

3. Thành viên Hội đồng đánh giá tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết có trách nhiệm và quyền hạn sau:

a) Nhận xét đánh giá về mặt học thuật của tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết;

b) Chịu trách nhiệm cá nhân về các ý kiến tư vấn trong quá trình đánh giá.

c) Thành viên của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học có trách nhiệm nhận xét cả khía cạnh khoa học và đạo đức của đề cương nghiên cứu; cần ghi rõ trong bản nhận xét về việc phải thông qua phiên họp đầy đủ của Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học nếu cần thiết.

4. Khi tiếp nhận nghiên cứu sinh, căn cứ trình độ của từng nghiên cứu sinh, văn bằng nghiên cứu sinh đã có, các học phần nghiên cứu sinh đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ (nếu có), người hướng dẫn nghiên cứu sinh, Phòng đào tạo sau đại học, đơn vị chuyên môn và Hội đồng đánh giá đề cương chi tiết sẽ đề xuất các học phần bổ sung cần thiết ở trình độ đại học, thạc sĩ; các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ sao cho phù hợp, thiết thực với quá trình đào tạo và thực hiện đề tài luận án của nghiên cứu sinh, trình Viện trưởng phê duyệt.

5. Phòng đào tạo sau đại học của Viện xây dựng kế hoạch học tập và thông báo cho nghiên cứu sinh thực hiện.

6. Đối với các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ, nghiên cứu sinh phải theo học tại cơ sở đào tạo được phép đào tạo trình độ tương ứng do Viện gửi đến. Các học phần ở trình độ tiến sĩ do Viện tổ chức thực hiện.

7. Trong thời gian tối đa là 24 tháng kể từ khi trúng tuyển, nghiên cứu sinh phải hoàn thành việc bảo vệ tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết, các học phần, các chuyên đề tiến sĩ.

8. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và chuyên đề của nghiên cứu sinh phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a) Khuyến khích và đòi hỏi chủ động tự học, tự nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

b) Việc đánh giá các học phần ở trình độ tiến sĩ thực hiện theo quy trình đánh giá khách quan, liên tục trong quá trình đào tạo. Các học phần được đánh giá theo thang điểm 10;

c) Các chuyên đề tiến sĩ được giảng dạy trực tiếp bởi người được phân công hướng dẫn. Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng chấm chuyên đề. Việc đánh giá và chấm điểm chuyên đề do Hội đồng chấm chuyên đề thực hiện sau khi nghe nghiên cứu sinh trình bày. Hội đồng chấm chuyên đề gồm 03 thành viên, là những người có học vị tiến sĩ, tiến sĩ khoa học hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư. Hình thức đánh giá đối với từng chuyên đề theo thang điểm 10.

Điểm của chuyên đề là trung bình cộng các phiếu hợp lệ của các thành viên Hội đồng có mặt và được lấy đến hai chữ số sau dấu phẩy (không cần làm tròn). Chuyên đề có điểm **dưới 5,0**: xếp loại không đạt; **từ 5,0 đến 6,99**: loại trung bình; **từ 7,0 đến 8,99**: loại khá; **từ 9,0 đến 9,49**: loại giỏi; **từ 9,5** trở lên: xuất sắc. Trong

trường hợp có điểm chuyên đề xếp loại không đạt, Hội đồng yêu cầu nghiên cứu sinh phải bảo vệ lại chuyên đề tương ứng. Mỗi nghiên cứu sinh được bảo vệ không quá 3 lần cho mỗi chuyên đề. Thời gian để bảo vệ lại trong vòng 2 tháng kể từ ngày bảo vệ trước.

9. Nghiên cứu sinh có học phần, chuyên đề tiến sĩ hoặc tiểu luận tổng quan không đạt yêu cầu theo quy định của Viện sẽ không được tiếp tục làm nghiên cứu sinh. Người chưa có bằng thạc sĩ có thể chuyển sang học và hoàn thành chương trình thạc sĩ để được cấp bằng nếu được một cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ chấp nhận.

Điều 23. Thực hiện đề tài luận án

1. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm báo cáo đề cương nghiên cứu chi tiết, kế hoạch học tập, kế hoạch nghiên cứu để thực hiện đề tài luận án khi về sinh hoạt tại đơn vị chuyên môn.

2. Trong quá trình thực hiện đề tài luận án, nghiên cứu sinh phải tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt khoa học của đơn vị chuyên môn, làm báo cáo khoa học, viết bài báo khoa học, tham gia các buổi sinh hoạt khoa học có liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu của mình ở trong và ngoài Viện.

3. Nghiên cứu sinh phải dành thời gian tham gia công tác giảng dạy, hướng dẫn nghiên cứu khoa học tại Viện theo sự phân công của đơn vị chuyên môn

4. Hội đồng Khoa học - Đào tạo Viện có nhiệm vụ thông qua chương trình đào tạo do đơn vị chuyên môn xây dựng, định kỳ tối thiểu hai năm một lần bổ sung, điều chỉnh danh mục và nội dung các học phần, các chuyên đề tiến sĩ theo yêu cầu của ngành đào tạo và quy định của Viện, trình Viện trưởng phê duyệt.

5. Phòng Đào tạo sau đại học điều phối các hoạt động mục từ 1-3.

Điều 24. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Việc thay đổi đề tài luận án được thực hiện khi nghiên cứu sinh, người hướng dẫn đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy định này, trong thời gian quy định tại các khoản 4,5,6 Điều 24.

2. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khoá học theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của nghiên cứu sinh còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ

tiến sĩ. Sau khi có sự đồng ý của cơ sở đang đào tạo, thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà nghiên cứu sinh cần bổ sung (nếu có) do thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định.

4. Nghiên cứu sinh được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án đã được Hội đồng đánh giá cấp Viện thông qua trong thời gian quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 17 Quy định này. Những kinh phí phát sinh sau thời gian quy định tại Quyết định công nhận nghiên cứu sinh do nghiên cứu sinh tự chi trả.

5. Trong trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn, nghiên cứu sinh phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Trong thời gian này, nghiên cứu sinh phải theo học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo. Việc gia hạn học tập chỉ giải quyết khi nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo quy định tại các Điều 18, 19 và 20 của Quy định này.

Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua (bao gồm cả trường hợp cho phép đánh giá lại theo quy định tại Điều 38 của Quy định này) thì Viện trưởng quyết định cho nghiên cứu sinh thôi học. Kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

6. Viện trưởng xem xét, quyết định cho phép nghiên cứu sinh được rút ngắn thời gian học tập nếu nghiên cứu sinh hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định của Quy định này. Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở chỉ được xem xét sau khi nghiên cứu sinh đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính của toàn bộ thời gian đào tạo ghi trong quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

7. Trong thời hạn học tập theo quy định, mỗi nghiên cứu sinh được Viện thanh toán kinh phí 01 lần cho việc học các chứng chỉ của học phần tiến sĩ, các phiên họp của Hội đồng đánh giá tiểu luận tổng quan, đánh giá đề cương nghiên cứu chi tiết, đánh giá chuyên đề, đánh giá luận án cấp cơ sở, đánh giá luận án cấp Viện và Phản biện độc lập lần thứ nhất theo mức chi được Viện phê duyệt. Nghiên cứu sinh phải tự túc kinh phí khi phải học lại chứng chỉ của các học phần, các phiên họp phát sinh do yêu cầu của các Hội đồng, phiên họp Hội đồng thẩm định luận án (nếu có) quy định tại Điều 43, các Phản biện độc lập có yêu cầu đọc lại hoặc phải gửi phản biện các lần tiếp theo.

Chương IV
TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA
CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 25. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Tiêu chuẩn giảng viên:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên hoặc đã và đang tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp bộ trở lên;

d) Là tác giả chính tối thiểu 02 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.

2. Giảng viên thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học và các quy định liên quan.

Điều 26. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Tiêu chuẩn người hướng dẫn độc lập:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;

c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên;

d) Là tác giả chính tối thiểu 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí của cơ sở dữ liệu ISI Thomson Reuters hoặc của cơ sở dữ liệu Scopus - Elsevier (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI - Scopus) hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành; hoặc là tác giả chính của tối thiểu 02 báo cáo đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, hoặc 02 bài báo

hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

đ) Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, ngoài việc phải đáp ứng quy định tại điểm d khoản này phải là tác giả chính của thêm 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus;

e) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

g) Người hướng dẫn độc lập phải là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở đào tạo hoặc là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với cơ sở đào tạo.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó:

a) Người hướng dẫn chính phải có đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Người hướng dẫn phụ phải có các tiêu chuẩn tối thiểu quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

c) Ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở đào tạo.

3. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học;

b) Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 04 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 03 nghiên cứu sinh. Mỗi người hướng dẫn khoa học không được nhận quá 2 nghiên cứu sinh được tuyển trong cùng một năm tại Viện.

c) Không được hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh mới nếu trong vòng 06 năm (72 tháng) tính đến thời điểm được giao nhiệm vụ có 02 nghiên cứu sinh có luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua, bao gồm cả việc đánh giá lại luận án quy định tại Điều 38 của Quy định này (nếu có);

d) Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học;

đ) Thông qua luận án của nghiên cứu sinh, đề nghị đề luận án được đánh giá ở đơn vị chuyên môn và tại Hội đồng cấp Viện nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 31 của Quy định này;

e) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 27. Nghiên cứu sinh

1. Thực hiện quy định tại các Điều 60, 61 Luật giáo dục đại học.

2. Xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học toàn khoá và từng học kỳ, được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua.

3. Định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả đạt được theo quy định của cơ sở đào tạo.

4. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án.

5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 28. Phòng Đào tạo sau đại học

1. Tiếp nhận và xử lý các loại đơn từ, hồ sơ, công văn, bản đăng ký... có liên quan đến đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm cho từng chuyên ngành đào tạo.

3. Tổ chức thực hiện công tác đào tạo theo kế hoạch.

4. Theo dõi kết quả kiểm tra, thi các môn học, các học phần của nghiên cứu sinh từng chuyên ngành đào tạo.

5. Tổ chức các hoạt động giám sát việc thực hiện đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

6. Làm thủ tục cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án các cấp.

7. Tổ chức bảo vệ luận án cấp Viện cho nghiên cứu sinh.

8. Làm thủ tục và quản lý việc cấp chứng chỉ môn học, bảng điểm toàn khóa, cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

9. Tổ chức các ngày lễ và hoạt động hàng năm cho nghiên cứu sinh: kỷ niệm ngày nhà giáo, lễ khai giảng, lễ phát bằng và hội nghị khoa học nghiên cứu sinh.

10. Quản lý và lưu trữ hồ sơ đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện.

11. Thực hiện những nội dung công tác khác có liên quan tới đào tạo sau đại học theo yêu cầu của Viện trưởng.

Điều 29. Đơn vị chuyên môn

1. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch.
2. Quản lý nghiên cứu sinh trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học tại đơn vị chuyên môn.
3. Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho nghiên cứu sinh.
4. Tổ chức đánh giá luận án của nghiên cứu sinh ở đơn vị chuyên môn; xem xét thông qua hoặc không thông qua đề nghị đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng cấp Viện trên cơ sở quy định tại khoản 6 Điều 32 của Quy định này.
5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 30. Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

1. Xây dựng, ban hành và công bố công khai quy định chi tiết của cơ sở đào tạo về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ theo các quy định của Quy định này và các quy định liên quan.
2. Công bố công khai thông tin liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ trên trang thông tin điện tử của Viện.
3. Tổ chức thực hiện tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ, đánh giá luận án của nghiên cứu sinh và quản lý quá trình đào tạo, cấp bằng tiến sĩ theo kế hoạch và các quy định hiện hành.
4. Đảm bảo đủ các điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất cần thiết cho giảng viên, người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và hội đồng đánh giá luận án (bao gồm cả nhiệm vụ sử dụng công cụ công nghệ thông tin để kiểm tra và rà soát việc sao chép luận án, chuyển kết quả cho Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện để Hội đồng xem xét, đánh giá, kết luận).
5. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học ở quy mô quốc gia và quốc tế, xuất bản các tạp chí nghiên cứu khoa học có phản biện của cơ sở đào tạo.
6. Xây dựng chính sách cụ thể để thúc đẩy bình đẳng giới trong tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.
7. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ.
8. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ bao gồm:

a) Sau mỗi đợt tuyển sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tổ chức tuyển sinh và kết quả tuyển sinh kèm theo các quyết định công nhận nghiên cứu sinh trúng tuyển;

b) Vào tháng 12 hằng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo tiến sĩ, cấp bằng tiến sĩ, chỉ tiêu và kế hoạch tuyển nghiên cứu sinh từng ngành của năm tiếp theo;

c) Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách trích ngang nghiên cứu sinh đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá bảo vệ luận án cấp Viện trong 02 tháng trước đó;

d) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

Chương V

LUẬN ÁN, ĐÁNH GIÁ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 31. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, phải do nghiên cứu sinh thực hiện và đáp ứng được những mục tiêu và yêu cầu quy định tại khoản 5, Điều 3 và Điều 21 của Quy định này. Luận án phải có những đóng góp mới, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tài liệu mới. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình. Khuyến khích nghiên cứu sinh viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.

2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có). Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án không được duyệt để bảo vệ.

b) Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng

tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;

c) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

3. Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và bàn luận của nghiên cứu sinh. Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm các phần và chương sau:

a) Phần đặt vấn đề: giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài, xác định mục tiêu của đề tài;

b) Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: tổng hợp các tư liệu khoa học, phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết;

c) Phương pháp nghiên cứu đã sử dụng trong luận án;

d) Kết quả nghiên cứu: trình bày kết quả đạt được theo các mục tiêu của luận án, mô tả ngắn gọn công việc nghiên cứu khoa học đã tiến hành, các số liệu nghiên cứu khoa học hoặc số liệu thực nghiệm;

đ) Bàn luận căn cứ vào các dẫn liệu khoa học thu được trong quá trình nghiên cứu của đề tài luận án hoặc đối chiếu với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác thông qua các tài liệu tham khảo;

e) Kết luận: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu;

g) Kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

h) Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án;

i) Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;

k) Phụ lục (nếu có).

4. Luận án tiến sĩ được tiến hành đánh giá qua hai cấp:

1. Cấp cơ sở (tại đơn vị chuyên môn);

2. Cấp Viện.

Điều 32. Đánh giá luận án cấp cơ sở

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án ở cấp cơ sở:

a) Đã hoàn thành các chương trình đào tạo, bao gồm: học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ quy định tại các khoản 3, 4 Điều 3 của Quy định này;

b) Đã công bố tối thiểu 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 02 báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện;

Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án phải được báo cáo tại Hội nghị khoa học nghiên cứu sinh hàng năm của Viện.

c) Được tập thể hoặc người hướng dẫn nghiên cứu sinh đồng ý cho đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn bằng văn bản, trong đó khẳng định chất lượng luận án; nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh và đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án.

2. Việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện; các thành viên của đơn vị chuyên môn, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

3. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm 7 thành viên, có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ ở trong và ngoài Viện, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh. Hội đồng gồm Chủ tịch, ủy viên thư ký, hai phản biện và các ủy viên Hội đồng. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng. Khuyến khích mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm phản biện trong Hội đồng.

Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của nghiên cứu sinh; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Viện.

4. Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 10 ngày. Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án, trong đó phải chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa, bổ sung.

5. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;

- b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- c) Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- d) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

6. Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Viện khi có tối thiểu ba phần tư (3/4) số nhà khoa học được mời nhận xét luận án ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án) và đã được hoàn chỉnh trên cơ sở các ý kiến đóng góp trong các phiên họp trước của Hội đồng cấp cơ sở, được chủ tịch Hội đồng xác nhận bằng văn bản.

7. Trình tự tiến hành buổi đánh giá luận án cấp cơ sở:

a) Đại diện Phòng Đào tạo sau đại học tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở của Viện trưởng.

b) Chủ tịch hội đồng điều khiển buổi họp đánh giá luận án, công bố số lượng thành viên của hội đồng và các điều kiện để được tiến hành đánh giá luận án cấp cơ sở quy định tại khoản 4, 5 Điều này.

c) Ủy viên thư ký đọc lý lịch khoa học của nghiên cứu sinh và các điều kiện cần thiết để nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án.

d) Nghiên cứu sinh trình bày tóm tắt luận án không quá 30 phút.

đ) Hai người phản biện luận án đọc nhận xét.

e) Các thành viên hội đồng và những người tham dự đặt câu hỏi hoặc phát biểu ý kiến về những kết quả đã đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được, những điểm cần bổ sung hoặc sửa chữa.

g) Nghiên cứu sinh trả lời các câu hỏi và các ý kiến trao đổi.

h) Nếu không còn vấn đề tranh luận hoặc các vấn đề đã được làm rõ, Hội đồng họp riêng để thảo luận, thông qua Quyết nghị của Hội đồng, bầu Ban kiểm phiếu và bỏ phiếu kín.

i) Dựa vào nhận xét của các thành viên, Hội đồng thảo luận để thông qua kết luận của Hội đồng.

k) Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả đánh giá luận án.

l) Chủ tịch hội đồng công bố kết luận của Hội đồng. Kết luận của Hội đồng cần khẳng định:

- Tên đề tài luận án có phù hợp với nội dung và mã số chuyên ngành, có trùng lặp về đề tài và nội dung với các luận án đã bảo vệ trong và ngoài nước hay không. Đề nghị về việc điều chỉnh tên đề tài hoặc thay đổi mã số nếu cần thiết;

- Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;
- Những kết quả mới đã đạt được;
- Những thiếu sót của luận án, vấn đề cần bổ sung, sửa chữa;
- Mức độ đáp ứng yêu cầu của luận án tiến sĩ cả về nội dung và hình thức theo quy định tại Điều 31 của Quy định này;
- Kết luận: Đề nghị Viện trưởng cho phép hoặc chưa cho phép nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Viện.

8. Biên bản cuộc họp đánh giá luận án cấp cơ sở cần ghi rõ:

- a) Thành viên hội đồng có mặt (họ tên, học vị, chức danh khoa học, chuyên ngành, nơi làm việc, trách nhiệm trong Hội đồng);
- b) Khách tham dự (họ tên, học vị, chức danh khoa học, chuyên ngành, nơi làm việc);
- c) Chi tiết diễn biến buổi bảo vệ, những câu hỏi hoặc ý kiến trao đổi, phát biểu của thành viên hội đồng và khách mời (ghi rõ họ tên, học vị, chức danh khoa học của người hỏi) và trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi;
- d) Kết luận của Hội đồng như quy định tại khoản 7 Điều này.

Điều 33. Phản biện độc lập luận án

1. Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến của 02 phản biện độc lập trước khi được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

2. Phản biện độc lập là những nhà khoa học, chuyên gia ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài, có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ (nếu là tiến sĩ phải có thời gian được công nhận học vị tiến sĩ từ 03 năm trở lên); có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu của luận án; có phẩm chất và đạo đức tốt, có uy tín khoa học cao, có chính kiến và bản lĩnh khoa học; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh; không được là người thuộc Viện hay cùng đơn vị công tác với nghiên cứu sinh; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ nghiên cứu sinh và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án. Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Viện trưởng trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án. Khuyến khích lấy ý kiến của phản biện độc lập ở nước ngoài, nhất là đối với những luận án thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ.

3. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của cơ sở đào tạo. Đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn và nghiên cứu sinh không được tìm hiểu về phản

biện độc lập. Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp viện.

4. Phản biện độc lập có nhiệm vụ đọc kỹ luận án, bài báo, công trình khoa học đã công bố của nghiên cứu sinh và có ý kiến đánh giá về giá trị khoa học, những đóng góp của luận án cho lĩnh vực khoa học chuyên ngành; những điểm đúng, sai của luận án; sự phù hợp của đề tài luận án với mã số chuyên ngành; sự không trùng lặp của đề tài, số liệu, kết quả nghiên cứu, kết luận của luận án; tính trung thực, rõ ràng trong trích dẫn; sự phản ánh kết quả luận án trong những công trình đã công bố; nhận định về chất lượng công trình và tạp chí đăng bài cho nghiên cứu sinh; những yêu cầu đòi hỏi nghiên cứu sinh phải bổ sung, hoàn chỉnh luận án. Để kết luận, phản biện độc lập cần cho ý kiến đồng ý hay không đồng ý để luận án được bảo vệ cấp Viện.

5. Khi cả hai phản biện độc lập tán thành luận án, toàn văn bản nhận xét (không có tên) của phản biện độc lập sẽ được Phòng Đào tạo sau đại học sao gửi cho nghiên cứu sinh nghiên cứu, tiếp thu, sửa chữa hoặc bảo lưu quan điểm của mình, giải trình bằng văn bản, trong đó có ý kiến xác nhận và chữ ký của người hướng dẫn nộp lại cho Phòng Đào tạo sau đại học. Đồng thời, nghiên cứu sinh hoàn chỉnh và gửi một bản luận án đóng bìa cứng, một bản tóm tắt luận án và bản giải trình về việc tiếp thu, sửa chữa theo ý kiến của các phản biện độc lập về Phòng Đào tạo sau đại học để làm thủ tục trình Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

Trong trường hợp phản biện độc lập yêu cầu được xem lại việc tiếp thu, sửa chữa luận án của nghiên cứu sinh, các thủ tục trình Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện chỉ được tiến hành sau khi có sự đồng ý cho phép bảo vệ luận án cấp Viện của phản biện độc lập đó. Hồ sơ gửi lại cho phản biện độc lập như lần đầu.

6. Khi có một phản biện độc lập không tán thành luận án, Viện trưởng gửi luận án xin ý kiến của phản biện độc lập thứ ba. Thủ tục gửi và xin ý kiến của phản biện thứ ba cũng thực hiện như đối với hai phản biện trước. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp Viện.

Luận án bị trả về để đánh giá lại ở cấp cơ sở nếu cả hai phản biện độc lập đầu tiên không tán thành luận án, hoặc phản biện thứ ba không tán thành khi luận án phải lấy ý kiến của phản biện thứ ba. Trường hợp này, luận án phải được chỉnh sửa và tổ chức bảo vệ lại ở cấp cơ sở. Nghiên cứu sinh chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ sớm nhất sau sáu tháng và muộn nhất là hai năm kể từ ngày

luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu.

7. Quy trình xin ý kiến của phản biện độc lập:

a) Người phụ trách Phòng Đào tạo sau đại học trình Viện trưởng hoặc người được Viện trưởng ủy quyền hồ sơ xin ý kiến phản biện độc lập gồm: 01 quyển luận án, 01 quyển tóm tắt luận án, 01 bộ bài báo có đầy đủ thông tin cùng danh sách ít nhất 15 nhà khoa học (có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ) có trình độ chuyên môn cao và chuyên sâu theo hướng đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

b) Căn cứ vào nội dung luận án và tham khảo danh sách các nhà khoa học, Viện trưởng quyết định danh sách hai phản biện độc lập để xin ý kiến.

c) Người phụ trách Phòng Đào tạo sau đại học có trách nhiệm gửi các hồ sơ đã xóa thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn tới hai phản biện độc lập theo danh sách Viện trưởng đã duyệt. Hồ sơ bao gồm: 01 quyển luận án, 01 quyển tóm tắt luận án, 01 bộ bài báo .

d) Sau khi nhận phản hồi của phản biện độc lập, người phụ trách Phòng Đào tạo sau đại học tổng hợp, hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện theo các mục 5, 6 của Điều này.

Điều 34. Điều kiện và hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện:

a) Luận án của nghiên cứu sinh được đơn vị chuyên môn đề nghị được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

b) Luận án của nghiên cứu sinh được các phản biện độc lập thông qua theo quy định tại Điều 33 của Quy định này tán thành;

c) Nghiên cứu sinh không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện gồm:

a) Toàn văn luận án;

b) Tóm tắt luận án;

c) Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài theo quy định của cơ sở đào tạo;

d) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 31 Quy định này (nếu có);

đ) Văn bản của Đơn vị chuyên môn đề nghị cho phép nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

e) Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;

g) Quyết định công nhận nghiên cứu sinh và minh chứng những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

h) Bản nhận xét của các phản biện độc lập;

i) Những tài liệu khác (nếu có).

3. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này; các tài liệu còn lại do cơ sở đào tạo tập hợp.

Điều 35. Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện

1. Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện, trong đó tiêu chuẩn và nhiệm vụ đối với từng thành viên trong Hội đồng được quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều này.

2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c) Có công trình nghiên cứu, có uy tín và kinh nghiệm hoạt động nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh, trong đó người phản biện phải có tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện.

3. Số lượng thành viên Hội đồng:

a) Hội đồng gồm 07 thành viên; trong đó: số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư tối thiểu là 05 người; số thành viên đã tham gia đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn tối đa không quá 03 người; thành viên là tiến sĩ có thời gian được công nhận học vị tiến sĩ từ đủ 36 tháng tính đến ngày thành lập Hội đồng; số thành viên là cán bộ của cơ sở đào tạo tối đa không quá 03 người;

b) Viện trưởng quyết định số lượng giáo sư, phó giáo sư, số lượng thành viên là cán bộ của cơ sở đào tạo trong trường hợp tổ chức đánh giá luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh các ngành đang triển khai đào tạo thí điểm tại cơ sở.

4. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 03 phản biện và các uỷ viên. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhận một trách nhiệm trong Hội đồng, trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn cao, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

b) Các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó. Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học và hình thức thể hiện của luận án. Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; không sinh hoạt trong cùng đơn vị chuyên môn với nghiên cứu sinh;

c) Đại diện tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể được mời tham gia Hội đồng với tư cách là uỷ viên.

5. Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột của nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

Điều 36. Đánh giá luận án ở cấp Viện

1. Viện trưởng quy định thời hạn, điều kiện, trình tự, thủ tục tổ chức buổi đánh giá luận án ở cấp Viện cho nghiên cứu sinh.

2. Các điều kiện tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án phải đảm bảo nguyên tắc:

a) Luận án phải được đánh giá công khai trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 39 của Quy định này;

b) Thời gian, địa điểm tổ chức đánh giá luận án, tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo chậm nhất 20 ngày trước ngày bảo vệ trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 39 của Quy định này;

c) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi đến Phòng Đào tạo sau đại học của Viện 10 ngày trước ngày bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh. Văn bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng phải đánh

giá đầy đủ, cụ thể về bố cục và hình thức của luận án; về nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được, trong đó phải nêu bật được những đóng góp mới cho khoa học của luận án;

3. Hội đồng không tổ chức họp để đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt Chủ tịch hội đồng;
- b) Vắng mặt Thư ký hội đồng;
- c) Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên;
- f) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

4. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành hoặc không tán thành), luận án không được thông qua nếu có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi bảo vệ trở lên bỏ phiếu không tán thành;

5. Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ: kết quả đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng; những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; tính trung thực của kết quả nghiên cứu; kết luận của Hội đồng về việc không thông qua luận án và lý do hoặc thông qua luận án (bao gồm cả yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, nếu có), kiến nghị công nhận trình độ, cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh;

6. Biên bản buổi đánh giá luận án cấp Viện được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký Hội đồng.

7. Hồ sơ chuẩn bị cho buổi bảo vệ

Để tiến hành bảo vệ luận án cấp viện, ủy viên thư ký Hội đồng phối hợp với Phòng Đào tạo sau đại học cần chuẩn bị đầy đủ các văn bản sau:

a) Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Quy định này.

b) Mẫu biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá.

c) Dự thảo quyết nghị của Hội đồng phải nêu được các vấn đề theo trình tự sau: Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án; tính hợp lý, hiện đại và độ tin cậy của phương pháp nghiên cứu mà tác giả đã sử dụng; các kết quả mới của luận án, giá trị sự đóng góp của các kết quả này trong lĩnh vực khoa học chuyên ngành về mặt lý thuyết và ứng dụng; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; kết luận của Hội đồng.

8. Các thời hạn quy định, liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án, được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng

về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Trong thời hạn tối đa là ba tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án cho nghiên cứu sinh. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán. Sau thời gian này, nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 24 và khoản 1 Điều 34 của Quy định này. Viện trưởng quyết định việc đưa luận án ra bảo vệ. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án thực hiện như đối với trình tự, thủ tục của lần đầu.

Hội đồng đánh giá luận án tự giải thể sau khi hoàn thành việc đánh giá luận án tiền sử của nghiên cứu sinh.

Điều 37. Tổ chức bảo vệ luận án cấp Viện

1. Luận án phải được tổ chức bảo vệ công khai. Những đề tài liên quan tới bí mật quốc gia được tổ chức bảo vệ theo quy định tại Điều 39 của Quy định này. Việc bảo vệ luận án phải mang tính chất trao đổi học thuật, phải bảo đảm tính nguyên tắc và nêu cao đạo đức khoa học, qua đó tác giả luận án thể hiện trình độ và sự hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn của mình trước Hội đồng và những người quan tâm. Mọi thành viên Hội đồng phải có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá. Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phản hồi và trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi. Biên bản phải được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và ủy viên thư ký Hội đồng.

2. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Ban kiểm phiếu gồm 03 người (một trưởng ban và hai ủy viên). Chủ tịch Hội đồng không tham gia ban kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án đạt yêu cầu khi có ít nhất 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành.

3. Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ:

- a) Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của Hội đồng;
- b) Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm đóng góp mới của luận án;
- c) Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án;
- d) Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu của luận án;
- đ) Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án;
- e) Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án;

g) Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho Thư viện Quốc gia Việt Nam;

h) Căn cứ kết quả bỏ phiếu, Hội đồng đề nghị công nhận hoặc không công nhận học vị tiến sĩ theo ngành nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

Quyết nghị của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua bằng biểu quyết công khai. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo Quyết nghị của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của nghiên cứu sinh để lưu tại Viện và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

4. Trình tự buổi bảo vệ luận án cấp Viện:

Buổi bảo vệ luận án cấp Viện được tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Đại diện Viện tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp viện và đề nghị chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp.

b) Chủ tịch Hội đồng công bố danh sách thành viên có mặt, các điều kiện chuẩn bị cho buổi bảo vệ (theo khoản 2 Điều 36) và công bố chương trình làm việc.

c) Ủy viên thư ký Hội đồng đọc lý lịch khoa học và tóm tắt quá trình đào tạo của nghiên cứu sinh.

d) Các thành viên Hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi hoặc ý kiến thắc mắc (nếu có) về lý lịch khoa học và quá trình đào tạo của nghiên cứu sinh.

đ) Nghiên cứu sinh trình bày nội dung luận án trong thời gian không quá 30 phút.

e) Các phản biện đọc nhận xét.

g) Các thành viên Hội đồng khác đọc nhận xét.

h) Hội đồng và các nhà khoa học tham dự thảo luận, nêu câu hỏi với nghiên cứu sinh.

i) Nghiên cứu sinh trả lời câu hỏi và bảo vệ các nội dung đang thảo luận.

k) Đại diện tập thể hướng dẫn phát biểu ý kiến.

l) Hội đồng họp riêng để thảo luận thông qua quyết nghị của Hội đồng, bầu Ban kiểm phiếu và bỏ phiếu kín.

m) Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả đánh giá luận án.

n) Chủ tịch Hội đồng đọc Quyết nghị của Hội đồng.

o) Nghiên cứu sinh phát biểu ý kiến.

p) Đại diện cơ quan công tác của nghiên cứu sinh phát biểu ý kiến (nếu có yêu cầu).

q) Chủ tịch Hội đồng tuyên bố kết thúc buổi bảo vệ.

Điều 38. Đánh giá lại luận án ở cấp Viện

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua ở lần đánh giá thứ nhất, nghiên cứu sinh được phép sửa chữa luận án và đề nghị được bảo vệ luận án lần thứ hai muộn nhất trước thời gian quy định tại khoản 5 Điều 24.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện lần thứ hai phải có tối thiểu 05 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất nhưng không được vắng mặt thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án.

3. Quy trình bảo vệ lại luận án cấp Viện theo đúng quy định như lần đánh giá thứ nhất.

4. Không tổ chức đánh giá lại luận án lần thứ ba.

5. Quá thời hạn 24 tháng kể ngày bảo vệ lần thứ nhất, luận án không được đưa ra bảo vệ cấp Viện.

Điều 39. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Viện trưởng phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo căn cứ xác định tính chất mật của đề tài và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. Viện trưởng chịu trách nhiệm về các quy định bảo mật trong quá trình tổ chức đào tạo, nghiên cứu, thực hiện luận án, tổ chức đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu liên quan theo quy chế bảo mật của Nhà nước.

3. Nghiên cứu sinh thực hiện các luận án được xác định là mật quy định tại khoản 1 Điều này không phải thực hiện quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 32 và điểm b, khoản 2 Điều 36 của Quy định này.

4. Ngoài quy định tại khoản 3 Điều này, nghiên cứu sinh thực hiện luận án theo chế độ mật phải đảm bảo tất cả các quy định khác của Quy định này.

Chương VI

THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 40. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

Việc thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án được thực hiện trong các trường hợp sau:

1. Thẩm định ngẫu nhiên tối đa 20% hồ sơ quá trình đào tạo, chất lượng luận án đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua trong báo cáo của cơ sở đào tạo quy định tại điểm c, khoản 8 Điều 30 Quy định này.

2. Thẩm định khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án.

Điều 41. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo

a) Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh có đầy đủ minh chứng về điều kiện dự tuyển tại khoản 3 Điều 7 của Quy định này;

b) Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện của nghiên cứu sinh quy định tại khoản 2 Điều 34 của Quy định này;

c) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh quy định tại khoản 2 Điều 45 của Quy định này;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Hồ sơ thẩm định nội dung, chất lượng luận án

a) Luận án tiến sĩ đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo;

b) Tóm tắt luận án đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo;

c) Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh theo quy định;

d) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

Điều 42. Quy trình thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ sở đào tạo quy định tại điểm c, khoản 8 Điều 30 của Quy định này, Bộ Giáo dục và

Đào tạo sẽ thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần thẩm định của cơ sở đào tạo và nội dung yêu cầu thẩm định cụ thể.

2. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của cơ sở đào tạo theo quy định tại Điều 41 của Quy định này, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tiến hành thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

3. Quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi hồ sơ thẩm định đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án của Quy định này.

4. Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến đánh giá của 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có kinh nghiệm chuyên môn, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

a) Luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu tối thiểu hai trong ba ý kiến thẩm định luận án tán thành;

b) Trong trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định quy định tại điểm a khoản này hoặc có đơn thư tố cáo về nội dung và chất lượng luận án thì Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, uỷ quyền thủ trưởng cơ sở đào tạo nghiên cứu sinh tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 43. Hội đồng thẩm định luận án

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 04 thành viên chưa tham gia đánh giá luận án ở cấp cơ sở, chưa là phản biện độc lập hoặc chưa là thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện; có các nhà khoa học tham gia thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại khoản 4 Điều 42 Quy định này.

2. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện quy định tại khoản 2 Điều 35 Quy định này.

3. Hội đồng thẩm định luận án có chủ tịch, thư ký và các ủy viên.

4. Hội đồng chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có).

5. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: xem xét, đánh giá và quyết nghị về nội dung, chất lượng luận án hoặc làm rõ những nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo.

6. Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt trở lên không tán thành.

7. Trong trường hợp luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua, thủ trưởng cơ sở đào tạo tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 12 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về nội dung, chất lượng luận án.

Điều 44. Xử lý kết quả thẩm định

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 42 Quy định này hoặc được Hội đồng thẩm định thông qua nhưng yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung, Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện cùng với người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét, quyết định các điểm cần sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của người thẩm định hoặc Hội đồng thẩm định.

2. Đối với luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua:

a) Trong trường hợp nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được phép sửa đổi, bổ sung và đề nghị đánh giá lại luận án theo quy định tại Điều 38 của Quy định này;

b) Trong trường hợp nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ thì cơ sở đào tạo xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Quy định này.

3. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thủ trưởng cơ sở đào tạo bổ sung hoàn thiện hồ sơ và giải trình.

4. Trong thời gian tối đa 02 tháng (60 ngày) kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, thủ trưởng cơ sở đào tạo có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này với các minh chứng kèm theo.

Điều 45. Cấp bằng tiến sĩ

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua đủ 03 tháng (90 ngày);

b) Nghiên cứu sinh đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện và được người hướng dẫn, đơn vị quản lý đào tạo, chủ tịch Hội đồng xác nhận (nếu có);

c) Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 42 thì kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 3 và điểm a, khoản 4 Điều 42 và khoản 1 Điều 44 của Quy định này; hoặc chưa nhận được kết quả thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo khi đã hết thời hạn thẩm định quy định tại khoản 2 Điều 42 của Quy định này;

d) Đã đăng trên trang thông tin điện tử của Viện và nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam, thư viện cơ sở đào tạo, phòng Đào tạo Sau đại học toàn văn luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng (cả bản in và file pdf) có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Viện trưởng sau khi đã bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện và Hội đồng thẩm định (nếu có).

2. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án ở cấp Viện;

b) Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện có mặt tại buổi đánh giá;

d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn hoặc tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh;

đ) Danh sách có chữ ký của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện có mặt tại buổi đánh giá luận án của nghiên cứu sinh;

e) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;

g) Minh chứng công bố công khai ngày đánh giá luận án trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 39 Quy định này;

h) Các tài liệu khác (nếu có).

3. Cơ sở đào tạo tập hợp hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ và tiến hành thủ tục cấp bằng cho nghiên cứu sinh khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và lưu trữ hồ sơ cấp bằng theo quy định.

4. Viện trưởng tổ chức kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện trước khi tổ chức cuộc họp thường kỳ Hội đồng Khoa học và Đào tạo của cơ sở đào tạo để thông qua danh sách nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án và có Quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ sẽ được tham dự Lễ cấp bằng tiến sĩ do Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương tổ chức hàng năm.

Chương VII

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 46. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nghiên cứu sinh có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

Điều 47. Xử lý vi phạm

1. Trong trường hợp phát hiện có vi phạm, sai sót trong quá trình tuyển sinh, đào tạo hay đánh giá luận án, xin ý kiến phản biện độc lập, cấp bằng tiến sĩ, Viện trưởng sẽ có văn bản đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.

2. Việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp sau:

a) Gian lận trong hồ sơ dự tuyển khiến người được cấp bằng không còn đảm bảo điều kiện dự tuyển và điều kiện công nhận nghiên cứu sinh;

b) Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án mà nếu cắt bỏ những nội dung đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 32 của Quy định này;

c) Luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại khoản 7 Điều 43 Quy định này.

3. Trong trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện có những vi phạm khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Việc xác định luận án vi phạm tại điểm b, khoản 2 Điều này thuộc thẩm quyền của Hội đồng thẩm định thành lập theo quy định tại Điều 43 của Quy định này.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 48. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các khoá tuyển sinh đã có quyết định công nhận nghiên cứu sinh trước thời điểm Thông tư số 08 /2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) có hiệu lực thi hành, Viện thực hiện theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 và được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, và Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 269/QĐ-VSDTTU ngày 18/3/2016 của Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

2. Đối với các khóa tuyển sinh kể từ thời điểm Thông tư 08/2017/TT-BGDĐT có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018, quy định về tiêu chuẩn người hướng dẫn nghiên cứu sinh tại điểm d, khoản 1 Điều 26 và quy định về điều kiện nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn tại điểm b, khoản 1 Điều 32 của Quy định này được thực hiện như sau:

a) Người hướng dẫn là tác giả chính tối thiểu 01 báo cáo hoặc công trình khoa học đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành hoặc 01 bài báo đăng trong tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

b) Nghiên cứu sinh phải công bố nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án trong tối thiểu 02 bài báo hoặc báo cáo, trong đó có 01 báo cáo đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện.

3. Đối với các khóa tuyển sinh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 trở đi, người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải thực hiện quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 26 và nghiên cứu sinh phải thực hiện quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 32 của Quy định này.

